

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Hưng.
2. Ông Phạm Tuấn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị V - Sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Bản Đ, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C - Sinh năm: 1998;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Vàng Thị V trình bày:

Chị và anh Lê Văn C đăng ký kết hôn ngày 01/7/2019 tại UBND xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên đi làm xa, không quan tâm chăm sóc gia đình. Bản thân chị phải sống nhờ bố mẹ đẻ, cuộc

sống khó khăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Tại bản tự khai gửi đến Tòa án ngày 31/8/2022, anh C cũng có ý kiến như chị V trình bày về ngày, tháng năm đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do anh đi làm xa không có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Việc chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh nhất trí ly hôn, tuy nhiên do điều kiện đi làm xa nên anh chưa đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị V và anh C đều xác nhận, có một con chung là Lê Đức T – Sinh ngày: 27/10/2019. Hiện tại cháu Thịnh phát triển bình thường, đang ở cùng chị V. Chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị không mang thai, anh, chị không có con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác. Anh C cũng nhất trí để chị V được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V và anh C xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh Lê Văn C theo quy định. Anh C vắng mặt tại địa phương và không đến Tòa án làm việc trực tiếp nhưng đã có bản tự khai trình bày ý kiến, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên đã có bản tự khai trình bày ý kiến. Lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định chị V và anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C đi làm xa, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn của anh chị được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Vàng Thị V được ly hôn với anh Lê Văn C; xử giao cháu Lê Đức T - Sinh ngày: 27/10/2019 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, do chị V không yêu cầu cấp

dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vàng Thị V khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn C và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị V và anh Lê Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh đi làm xa, không quan tâm đến gia đình, cuộc sống sống không hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm, ảnh hưởng đến cuộc sống chung. Việc anh, chị có mâu thuẫn và sống ly thân đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị V xin ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không tiến hành hòa giải được vụ án do bị đơn vắng mặt, bị đơn đã có bản tự khai trình bày ý kiến nhất trí ly hôn với nguyên đơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất thì bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về con chung: Chị V và anh C đều xác nhận, quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Lê Đức T - Sinh ngày: 27/10/2019, hiện tại cháu phát triển bình thường và đang sống cùng chị V.

Chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C cũng nhất trí để chị V được nuôi dưỡng con chung, anh không có ý kiến gì khác. Chị V đã cung cấp chứng cứ có xác nhận của địa phương về mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Lê Đức Thịnh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị V không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vàng Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Vàng Thị V được ly hôn với anh Lê Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị V và anh Lê Văn C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Đức T - Sinh ngày: 27/10/2019 cho chị Vàng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi; Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002988 ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Trì Quang;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

